

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của dự án Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị (Nâng công suất từ 12,6MW lên 15,6MW);

Căn cứ Thông báo số 4981/STNMT-CCBVMT ngày 13/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị”;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 17/GPMT-TA ngày 17/01/2024 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thành An;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 414/TTr-STNMT ngày 30/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thành An, địa chỉ tại thôn La Tó, xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn La Tó, xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200734532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 16/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 3200734532.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thủy điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi, quy mô của Cơ sở: Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị có vị trí thực hiện tại thôn La Tó, xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Trong đó:

+ Nhà máy thủy điện: gồm 02 tổ máy phát điện công suất 15,6MW.

+ Hồ chứa có dung tích hữu ích: 0,40 triệu m³; Đập dài 45,1m có MNDBT 388,5m.

+ Trạm biến áp 110kV, tuyến đường dây 35KV: 5,130km.

+ Khu nhà ở chuyên gia.

- Diện tích sử dụng đất của Cơ sở là 108.300 m² gồm các hạng mục như sau:

TT	Tên công trình	Diện tích xây dựng (m ²)
1	Đập dâng	4.200
2	Cửa nhận nước	1.200
3	Tháp điều áp	2.200
4	Tuyến đường hầm và khu vực nhà máy thủy điện	56.600
5	Tuyến đường quản lý vận hành	3.800
6	Đường dây 35KV	4.700
7	Lòng hồ	35.600
	Tổng	108.300

- Công suất của cơ sở: Nhà máy thủy điện 15,6MW, sản lượng điện hàng năm là 47,2 triệu KWh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thủy Điện Thành An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày..02.. tháng 02.. năm 2024 đến ngày..02.. tháng 02.. năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật./*nh*

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Thủy Điện Thành An;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- UBND huyện Đakrông;
- UBND xã Húc Nghi;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *lc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Cơ sở: Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **08** /GPMT-UBND ngày **02** /02/2024
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1 của khu vực Nhà điều hành.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2 của khu vực Nhà điều hành.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà máy thủy điện.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh tổ máy, tua bin, nước rò rỉ từ Nhà máy thủy điện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng nước thải số 01 (Tương ứng với nguồn thải số 01): Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh số 1 khu vực Nhà điều hành, sau xử lý được thấm ra môi trường đất.
- Dòng nước thải số 02 (Tương ứng với nguồn thải số 02): Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh số 2 khu vực Nhà điều hành, sau xử lý được thấm ra môi trường đất.
- Dòng nước thải số 03 (tương ứng với nguồn thải số 03): Nước thải sinh hoạt tại khu vực Nhà máy thủy điện sau xử lý được thấm ra môi trường đất.
- Dòng nước thải số 04 (tương ứng với nguồn thải số 04): Nước thải từ quá trình vệ sinh tổ máy, tua bin, nước rò rỉ từ nhà máy được xử lý qua bể tách dầu được thải ra suối A Chò ở cửa xả Nhà máy thủy điện.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Thôn La Tó, xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:
 - Dòng nước thải số 01: Nước thải thấm ra môi trường, góc phía Đông Bắc khu vực nhà điều hành (Tọa độ: X: 1.825.783m; Y: 580.043m).
 - Dòng nước thải số 02: Nước thải thấm ra môi trường, góc phía Đông Nam khu vực nhà điều hành. (Tọa độ: 1.825.770m; Y: 580.033m).
 - Dòng nước thải số 03: Nước thải thấm ra môi trường, góc phía Tây Nam khu vực nhà máy (Tọa độ: X: 1.825.759m; Y: 580.298m)

- Dòng nước thải số 04: Nước thải xả ra suối A Chò ở cửa xả Nhà máy thủy điện, góc phía Bắc nhà máy (Tọa độ X: 1.825.841m, Y: 580.349m)
(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,7 m³/ngày.đêm

- Dòng thải số 01, 02, 03: 1,9 m³/ngày.đêm.

- Dòng thải số 04: 0,8 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01, 02, 03: Nước thải sau xử lý được thấm vào môi trường đất.

- Dòng nước thải số 04: Nước thải sau xử lý được thải ra suối A Chò ở cửa xả Nhà máy thủy điện theo hình thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02, 03: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

- Dòng thải số 04: Nước thải của cơ sở sau khi xử lý tách dầu mỡ tại bể tách dầu 02 ngăn, phần nước trong sau khi tách dầu được bơm theo đường ống thép mạ kẽm Ø90 dài 25m chảy ra môi trường (suối A Chò) phía hạ lưu Nhà

máy đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$), cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kì	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	108		
3	BOD ₅	mg/l	54		
4	COD	mg/l	162		
5	Tổng Nitơ	mg/l	43,2		
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
8	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Thu gom: Nước thải đen: nước từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom bằng ống PVC D110, $i=2\%$ từ nhà vệ sinh dẫn vào xử lý bằng bể tự hoại. Nước thải xám: nước rửa, tắm giặt được thu gom bằng ống PVC D76, $i=2\%$ từ nhà vệ sinh dẫn vào xử lý bằng bể tự hoại.

+ Thoát nước thải sinh hoạt: Sau khi qua hố thấm nước thải thấm vào môi trường đất trong khuôn viên cơ sở.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước từ quá trình vệ sinh sàn, tổ máy, tua bin có chứa thành phần dầu mỡ thải được thu gom bằng hệ thống các rãnh xung quanh sàn tua bin và hệ thống các ống thu gom bằng thép mạ kẽm về bể thu nước lẫn dầu BTCT kích thước bể (5,8x2,4x5,7) m, đặt âm sàn. Nước từ hố thu gom sẽ bơm về bể tách dầu 02 ngăn để xử lý. Phần dầu sau khi tách được lưu tại kho chứa CTNH và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý CTNH đưa đi xử lý không xả thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$) trước khi xả vào suối A Chò theo đường ống thép mạ kẽm Ø 90 dài 25m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của 19 CBCNV được xử lý bằng 03 bể tự hoại:

+ 02 bể 05 ngăn ở nhà điều hành. Mỗi bể có thể tích khoảng 12 m³. Kích thước: 4m x 1,78m x 1,7m để xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV.

+ 01 bể 03 ngăn ở nhà máy thủy điện. Thể tích khoảng 12 m³. Kích thước: 4m x 1,78m x 1,7m để xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Ngăn lọc → Thẩm vào đất.

- Đối với hoạt động của Cơ sở nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh sàn, tổ máy, tuabin có chứa thành phần dầu mỡ thải. Trong quá trình vận hành tại nhà máy định kỳ 03 tháng/lần thực hiện vệ sinh khô các tuabin, máy phát bằng máy hút bụi, định kỳ 06 tháng/lần vệ sinh sàn nhà có sử dụng nước (0,5 m³/đợt). Toàn bộ nước từ quá trình vệ sinh sàn nhà, vệ sinh tổ máy, tuabin có chứa thành phần dầu mỡ được thu gom về 01 bể thu nước lẫn dầu BTCT kích thước bể (5,8x2,4x5,7) m, đặt âm sàn tại khu vực nhà máy, tại đây một phần dầu mỡ trên mặt được thu gom, sau đó nước lẫn dầu mỡ được tiếp tục bơm qua bể tách dầu 02 ngăn (1,0x2,0x5,7) m để xử lý, phần dầu còn lại được tách tại bể 01, phần dầu nhẹ hơn nước sẽ nổi trên mặt nước, phần nước sạch ở dưới được qua bể 02 và tháo ra ngoài. Bố trí 02 máy bơm chìm tại bể tách dầu để bơm nước từ bể thu và bơm tự động nước sạch sau xử lý thoát ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và thu gom nước ngưng tụ theo đúng quy trình, định kỳ thu gom, hút bùn từ hầm tự hoại tranh tắc nghẽn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng vật liệu thay thế của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở có các hạng mục xử lý môi trường đã vận hành từ năm 2019, công trình xử lý môi trường là công trình bể tự hoại và bể thu gom dầu nên Cơ sở không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (suối A Chò).

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải..

3.3. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **08** /GPMT-UBND ngày **02**/02/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hệ thống quạt làm mát của máy biến áp tại Nhà máy.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy móc, tuabin bên trong Nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hệ thống quạt làm mát của máy biến áp tại Nhà máy. (Tọa độ X: 1.825.809, Y: 580.354)m.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy móc, tubin bên trong Nhà máy (Tọa độ X: 1.825.813; Y: 580.345)m.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ	Vị trí quan trắc
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	06 tháng/lần	Tại 02 nguồn phát sinh nêu trên
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	06 tháng/lần	

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ 6 tháng/1lần kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các cơ cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung;
- Quy định tốc độ các phương tiện khi hoạt động trong khu vực nhà máy.
- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao như ở tuabin được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai ...

- Thực hiện chế độ giải lao và chế độ chuyển ca hợp lý cho công nhân nhằm giảm tiếp xúc với tiếng ồn. Bố trí thời gian làm việc hợp lý trong các khu vực có tiếng ồn cao nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân: Bố trí làm việc theo 3 ca, 4 kíp (mỗi ca 8h, mỗi ca 1 kíp, 1 kíp 4 CBCNV, không trùng nhân viên giữa các ca, kíp) để giảm tác động của tiếng ồn, độ rung đối với CBCNV vận hành nhà máy.

- Bảo đảm phòng cách âm để trực ca vận hành làm việc, chế độ làm việc tại khu vực tuabin phát điện kiểm tra thiết bị máy móc vận hành không quá 15 phút/lần.

- Yêu cầu nhà cung cấp thiết bị nghiên cứu các hệ thống có thể để giảm tiếng ồn cho máy phát. Đầu tư công nghệ hiện đại nhất để ổn định hệ thống, ổn định tần số, giảm độ ồn đến mức thấp nhất có thể.

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo Nghị định 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **08** /GPMT-UBND ngày **02** /02/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại: Giẻ lau dính dầu nhớt trong quá trình thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các tuabin, trạm biến áp, các bóng đèn thủy tinh bị vỡ, dầu thải...

- Khối lượng: CTNH ước tính phát sinh khoảng 76 kg/năm.

TT	Chủng loại	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh tối đa (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	12
2	Các loại dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	24
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	4
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	6
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	12
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	18
Tổng				76

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Chủng loại: Cát nạo vét khu vực lòng hồ thủy điện; CTR là xác thực vật (thân, cành gỗ) ở lưới chắn rác.

- Khối lượng: cát nạo vét lòng hồ: khoảng 7.200 m³/năm; thực vật gỗ 30 kg/6 tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả..), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau...

- Khối lượng: 9,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa CTNH bố trí góc phía Tây Nam nhà máy Thủy điện La Tó, diện tích 12m², có nền xi măng cao hơn môi trường xung quanh, có gờ cao xung quanh ngăn nước mưa chảy tràn vào khu vực chứa, mái được lợp tôn và bên ngoài kho chứa CTNH bố trí 01 biển cảnh báo khu vực nguy hiểm, bên trong bố trí 03 thùng phuy kín chứa CTNH dung tích 200L, có nhãn dán, ký hiệu CTNH.

- Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có Giấy phép hành nghề xử lý CTNH được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép để vận chuyển và đưa đi xử lý, tần suất 01 lần/năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Cát nạo vét lòng hồ thủy điện:

+ Định kỳ kiểm tra mức độ bồi lắng thực tế của lòng hồ để đưa ra thời điểm, tần suất nạo vét hợp lý, định kỳ 5-10 năm nạo vét 01 lần.

+ Trước khi triển khai nạo vét, lập phương án nạo vét và tận thu các sản phẩm nạo vét trình UBND tỉnh, các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt để có cơ sở triển khai thực hiện.

+ Trong quá trình nạo vét lòng hồ thì tận dụng đất, đá sỏi để bán vật liệu xây dựng và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý, tài chính theo đúng quy định. Đối với lượng bùn không có khả năng bán được thì thống nhất với địa phương để san lấp mặt bằng hoặc tạo bãi đổ theo hướng dẫn của địa phương và cơ quan chức năng.

- CTR là thành phần thân, cành các loại cây gỗ tại khu vực lưới chắn rác của cửa nhận nước định kỳ hàng tuần cán bộ của nhà máy kiểm tra và vớt lượng rác thải phát sinh sau đó cho người dân làm củi đốt.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tiếp tục thực hiện phân loại CTR tại nguồn tại Cơ sở.

+ Thu gom và chứa đựng trong những thùng rác bằng nhựa loại 60L có nắp đậy, số lượng 04 thùng.

+ Khi Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Đakrông triển khai thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa bàn thì Hợp đồng với vận chuyển xử lý, tần suất 01 tuần/lần.

+ Các CTRSH phát sinh tại cơ sở sẽ được cơ sở thu gom, xử lý theo quy định, không để phát sinh ra môi trường xung quanh. Công ty cũng đã có quy chế, quy định đến toàn bộ cán bộ công nhân viên giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ, cấm xả thải trong toàn bộ khu vực phạm vi công trình đơn vị quản lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Thành lập đội PCCC, bố trí thiết bị, nội quy và phối hợp với các cơ quan PCCC để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

- Việc phòng chống cháy nổ được thực hiện theo 3 cấp:

+ Tại chỗ: Các thiết bị PCCC như các đầu cảm biến nhiệt, các bình chữa cháy CO₂, gốc H₂O được bố trí bên trong khu vực nhà vận hành, trạm biến áp.

+ Nhà điều hành: Một số thiết bị chữa cháy lưu động và xe chữa cháy được bố trí tại nhà điều hành để tăng cường chữa cháy trong khu vực nhà máy, kho chứa chất thải nguy hại.

+ Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp: trong trường hợp cần thiết, có thể huy động thêm lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại địa phương để hỗ trợ.

- Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối vào lưới điện quốc gia sẽ tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.

- Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa khi ra vào khu vực chứa dầu.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét cho toàn bộ nhà máy, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

+ Nhà máy và nhà quản lý vận hành được bảo vệ bằng hệ thống kim thu sét đặt trên mái một cách thích hợp.

+ Đối với hệ thống chống sét, cột thu lôi được lắp đặt tại vị trí cao nhất của các công trình, từ cụm công trình đầu mối về đến nhà máy thủy điện. Cột thu lôi phải có chiều cao lớn hơn 15m, điện trở tiếp đất xung kích của hệ thống chống sét phải nhỏ hơn 10Ω khi điện trở suất của đất < 50.000Ω/cm² và lớn hơn 10Ω khi điện trở suất của đất > 50.000Ω/cm².

Hiện nay, các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ tại cơ sở đang áp dụng có hiệu quả, do đó Chủ cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố rò rỉ dầu mỡ

- Tại trạm biến áp, xung quanh đều được bê tông hóa và có mương thoát nước riêng để tách dầu rò rỉ khi có sự cố. Tất cả dầu mỡ rò rỉ đều được thu gom về bể gom dầu và được thu gom, xử lý theo quy định.

- Thực hiện đúng quy định bảo dưỡng tuabin, đảm bảo tuabin đã được lau khô trước khi vào vận hành.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, lượng dầu máy rò rỉ từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị sẽ được thu gom đúng quy định, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập lụt, hạn hán

* Giảm thiểu các sự cố ngập lụt:

Trong quá trình vận hành nhà máy, chủ cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành liên hồ chứa nhất là các quy định hiện hành về việc xả lũ, thông báo kịp thời để có thể hạn chế tối đa các thiệt hại về người và của có thể xảy ra. Thông thường, quy trình phát điện, xả tràn (tháo lũ) về phía hạ lưu thời kỳ chính lũ từ tháng 10 đến tháng 12 theo kỳ phân lũ dựa trên quy trình vận hành liên hồ chứa có thể phác họa như sau:

- Thực hiện nguyên tắc cơ bản là duy trì mực nước hồ ở cao trình MNDBT. Căn cứ vào dự báo Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn Trung ương và tỉnh Quảng Trị và mực nước dâng trong hồ mà tiến hành mở các van đập tràn theo trình tự với độ mở các cửa van phù hợp. Sau đỉnh lũ, mực nước trong hồ được đưa về cao trình mực nước trước lũ tùy theo điều kiện thực tế công trình và tình hình dòng chảy, tiến hành đóng dần các cửa van theo trình tự ngược với trình tự mở cả về thứ tự cửa van và độ mở cửa van.

- Chế độ vận hành của nhà máy sẽ ảnh hưởng đến vùng trước và sau đập. Do đó, trước khi thực hiện các bước xả lũ Chủ Cơ sở thông báo cho các cơ quan chức năng và người dân địa phương được biết.

* Giảm thiểu các sự cố do hạn hán:

- Đảm bảo duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục sau đập không nhỏ hơn $0,3 \text{ m}^3/\text{s}$ (Theo giấy phép khai thác nước mặt của Bộ TNMT) nhằm đảm bảo duy trì hệ sinh thái cho vùng và cấp nước cho hoạt động sinh hoạt sản xuất của người dân.

+ Công trình duy trì như sau: Để duy trì dòng chảy tối thiểu cho khu vực hạ lưu tuyến đập La Tó, cơ sở đã tính toán và thiết kế một cống xả môi trường bằng ống thép $D = 300\text{mm}$, cao độ tim ống 381m đặt trong thân đập không tràn. Trên đường ống có gắn thiết bị cảm biến đo lưu lượng, giá trị lưu lượng dòng chảy qua ống được hiển thị liên tục trên màn hình điều khiển trung tâm.

+ Thực hiện quan trắc tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó tại nhà máy thực hiện quan trắc tự động, trực tuyến đối với các thông số mực nước, lưu lượng xả qua nhà máy, lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu và giám sát camera đối với các thông số lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu, lưu lượng xả qua tràn đã được kết nối thành công và truyền chính thức về Trạm trung tâm tiếp nhận và xử lý dữ liệu quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường, đã được xác nhận tại Văn bản số 3148/STNMT-KSN ngày 21/8/2023.

- Trong trường hợp thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở vùng hạ lưu, Chủ cơ sở phối hợp chặt chẽ với địa phương và các tổ chức khai thác, sử dụng nước có liên quan để điều chỉnh chế độ vận hành phát điện hoặc lưu lượng nước xả qua đập cho phù hợp.

4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đập, sạt lở địa hình gây mất an toàn tại khu vực

- Tần suất và mực nước lớn nhất thiết kế của công trình được xác định theo TCXD Việt Nam – 285:2002 - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế và Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình điều tiết nước hồ trong quá trình vận hành hồ chứa được quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thường xuyên giám sát về chế độ thủy văn khu vực lòng hồ nhằm đưa ra các dự báo lũ đồng thời thông báo kịp thời cho người dân phía hạ lưu để có phương án di dân kịp thời.

- Kiểm tra thường xuyên các công trình có liên quan đến việc xả nước như hệ thống đóng mở van xả cát.

- Cử cán bộ theo dõi diễn biến mực nước hồ chứa, đánh giá độ an toàn đập.

- Điều hành xả lũ thông qua cửa tràn tự do và chạy máy với lưu lượng tối đa qua tuabin trong điều kiện có thể.

- Duy tu bảo dưỡng hệ thống đập, đề các thiết bị phụ trợ để sẵn sàng ứng phó với lũ, kiểm tra các cống tiêu úng, chống sạt lở, xói mòn để bảo vệ đập.

- Dựa vào hệ thống quan trắc theo dõi lưu lượng nước để tính toán vận hành tuyến đập phù hợp giảm thiểu áp lực nước lên tuyến đập gây vỡ đập.

- Tuân thủ nghiêm các nội dung trong quy trình vận hành hồ chứa thủy điện La Tó được phê duyệt tại Quyết định 2790/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Thực hiện các giải pháp gia cố chống sạt lở tại khu vực đập dâng và tháp điều áp bằng thảm bê tông, giạt cấp 05m, mái 1:1,5 để chống sạt lở bờ taluy dương; một số khu vực tiến hành trồng cây, cỏ chống sạt lở.

- Chủ dự án sẽ thực hiện giám sát quá trình sạt lở tại khu vực Tháp điều áp đến nhà máy và các khu vực khác có nguy cơ sạt lở và có giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục, gia cố, xử lý.

- Trên các thảm bê tông, bố trí các hệ thống ống tiêu, thoát, ngăn nước mưa chống xói mòn, sạt lở mái dốc xung quang bờ đập, tháp điều áp.

- Phối hợp với chính quyền địa phương ra thông báo nghiêm cấm chặt phá rừng, thảm thực vật gần khu vực đập, tháp điều áp.

5. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ suối A Chò phía hạ lưu đập trong quá trình vận hành Nhà máy để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

6. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

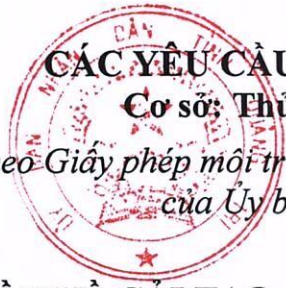
1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo phụ lục 1, 2.

2. Quan trắc chất thải rắn

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của Nhà máy.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Cơ sở: Thủy điện La Tó, tỉnh Quảng Trị**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **08** /GPMT-UBND ngày **02/02/2024**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Thực hiện giám sát an toàn sạt lở để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình cơ sở đi vào vận hành. Thay thế dần thảm cây keo, trồng bằng các loài cây bản địa để bảo vệ đất, chống sạt lở, đồng thời bảo vệ hệ sinh thái trong khu vực.

3. Đảm bảo an toàn trong hành lang bảo vệ lưới điện, lồng hồ thủy điện.

4. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các Nhà máy thủy điện khác trên địa bàn để giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy.

5. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.